

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

Số: 45/2022/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Kon Tum, ngày 19 tháng 12 năm 2022*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành định mức công tác xây dựng gạch không nung (*gạch bê tông xi măng cốt liệu*) trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 80/TTr-SXD ngày 16 tháng 12 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này định mức công tác xây dựng gạch không nung (*gạch bê tông xi măng cốt liệu*) trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*có Phụ lục kèm theo*).

Định mức xây dựng gạch không nung (*gạch bê tông xi măng cốt liệu*) ban hành kèm theo Quyết định này để làm cơ sở xác định dự toán chi phí xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng công trình và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công

trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham khảo định mức xây dựng gạch không nung (*gạch bê tông xi măng cốt liệu*) ban hành kèm theo Quyết định này để quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với các dự án không sử dụng các nguồn vốn trên.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành, tổ chức thực hiện**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2022.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện theo đúng quy định; định kỳ triển khai rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung theo quy định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

**Lê Ngọc Tuấn**

**Phụ lục****ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC XÂY DỰNG GẠCH KHÔNG NUNG (GẠCH BÊ TÔNG XI MĂNG CỐT LIỆU) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND Ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

**1. AE.KT100: Xây tường thẳng gạch bê tông xi măng cốt liệu, kích thước gạch (10×15×22)cm.**

*Thành phần công việc:* Chuẩn bị, lắp và tháo dỡ giàn giáo xây, trộn vữa, xây theo yêu cầu kỹ thuật; vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m (vật liệu làm giàn giáo đã tính trong định mức vật liệu khác).

Đơn vị tính: 1 m<sup>3</sup>

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15cm	
				Chiều cao (m)	
				≤ 6m	≤ 28m
AE.KT1	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>			
		- Gạch	viên	264	264
		- Vữa	m <sup>3</sup>	0,181	0,181
		- Vật liệu khác	%	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,27	1,31
		<i>Máy thi công</i>			
		- Máy trộn vữa 150 lít	ca	0,022	0,022
		- Máy vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012
		- Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012
- Máy khác	%		0,5		
			10	20	

**2. AE.KT200: Xây tường thẳng gạch bê tông xi măng cốt liệu, kích thước gạch (9×13×20)cm.**

*Thành phần công việc:* Chuẩn bị, lắp và tháo dỡ giàn giáo xây, trộn vữa, xây theo yêu cầu kỹ thuật; vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m (vật liệu làm giàn giáo đã tính trong định mức vật liệu khác).

Đơn vị tính: 1 m<sup>3</sup>

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 9cm	
				Chiều cao (m)	
				≤ 6m	≤ 28m

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 9cm	
				Chiều cao (m)	
				≤ 6m	≤ 28m
AE.KT2	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>			
		- Gạch	viên	364	364
		- Vữa	m <sup>3</sup>	0,164	0,164
		- Vật liệu khác	%	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,35	1,40
		<i>Máy thi công</i>			
		- Máy trộn vữa 150 lít	ca	0,020	0,020
		- Máy vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012
- Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012		
- Máy khác	%		0,5		
				10	20

**3. AE.KT300: Xây tường thẳng gạch bê tông xi măng cốt liệu, kích thước gạch (9×13×20)cm.**

*Thành phần công việc:* Chuẩn bị, lắp và tháo dỡ giàn giáo xây, trộn vữa, xây theo yêu cầu kỹ thuật; vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m (*vật liệu làm giàn giáo đã tính trong định mức vật liệu khác*).

Đơn vị tính: 1m<sup>3</sup>

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20cm	
				Chiều cao (m)	
				≤ 6m	≤ 28m
AE.KT3	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>			
		- Gạch	viên	360	360
		- Vữa	m <sup>3</sup>	0,184	0,184
		- Vật liệu khác	%	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,31	1,35
		<i>Máy thi công</i>			
		- Máy trộn vữa 150 lít	ca	0,023	0,023
		- Máy vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012
- Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012		
- Máy khác	%		0,5		
				10	20

**4. AE.KT400: Xây trụ, cột độc lập bằng gạch bê tông xi măng cốt liệu, kích thước gạch (6,5×10,5×22)cm.**

*Thành phần công việc:* Chuẩn bị, lắp và tháo dỡ giàn giáo xây, trộn vữa, xây theo yêu cầu kỹ thuật; vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m (*vật liệu làm giàn giáo đã tính trong định mức vật liệu khác*).

Đơn vị tính: 1 m<sup>3</sup>

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao (m)	
				≤ 6m	≤ 28m
AE.KT4	Xây trụ, cột	<i>Vật liệu</i>			
		- Gạch	viên	541	541
		- Vữa	m <sup>3</sup>	0,292	0,292
		- Vật liệu khác	%	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,50	2,59
		<i>Máy thi công</i>			
		- Máy trộn vữa 150 lít	ca	0,035	0,035
		- Máy vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012
		- Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012
		- Máy khác	%		0,5
			10	20	

**5. AE.KT500: Xây bậc cấp, bậc thang, bồn hoa bằng gạch bê tông xi măng cốt liệu, kích thước gạch (6,5×10,5×22)cm**

*Thành phần công việc:* Chuẩn bị, lắp và tháo dỡ giàn giáo xây, trộn vữa, xây theo yêu cầu kỹ thuật; vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m (*vật liệu làm giàn giáo đã tính trong định mức vật liệu khác*).

Đơn vị tính: 1 m<sup>3</sup>

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao (m)	
				≤ 6m	≤ 28m
AE.KT5	Xây bậc cấp, bậc thang, bồn hoa	<i>Vật liệu</i>			
		- Gạch	viên	568	568
		- Vữa	m <sup>3</sup>	0,181	0,181
		- Vật liệu khác	%	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,52	1,55
		<i>Máy thi công</i>			
		- Máy trộn vữa 150 lít	ca	0,022	0,022
		- Máy vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012
		- Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012
		- Máy khác	%		0,5
			10	20	